

CHÍNH PHỦ
Số: 42/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 5 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân của Việt Nam.
- Nghị định này cũng áp dụng đối với những tổ chức, cá nhân của nước ngoài được hưởng sự bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Mạch tích hợp bán dẫn" là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử - với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn và nhằm thực hiện chức năng điện tử. "Mạch tích hợp" đồng nghĩa với "IC", "chip" và "mạch vi điện tử";

2. "Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn" là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và các mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là "Thiết kế bố trí");

3. "Tác giả thiết kế bố trí" là người hoặc những người tạo ra thiết kế bố trí bằng lao động sáng tạo của mình.

Những người chỉ giúp đỡ, hỗ trợ về kỹ thuật, vật chất, kinh phí nhưng không góp phần tạo ra thiết kế bố trí bằng lao động sáng tạo của mình thì không được coi là tác giả;

4. "Chủ sở hữu" là chủ thể được cấp Văn bằng bảo hộ hoặc chủ thể được chuyển giao một cách hợp pháp quyền sở hữu công nghiệp đối với thiết kế bố trí;

5. "Phân phối" dùng để chỉ mọi hình thức lưu thông thương mại, gồm bán, cho thuê, chuyển nhượng, kể cả quảng cáo, chào hàng hoặc tàng trữ nhằm các mục đích đó;

6. "Khai thác thiết kế bố trí nhằm mục đích thương mại" là việc phân phối công khai mạch tích hợp bán dẫn được sản xuất theo thiết kế bố trí đó hoặc hàng hoá chứa mạch tích hợp bán dẫn được sản xuất theo thiết kế bố trí đó.

Điều 4. Đối tượng được bảo hộ

1. Đối tượng được bảo hộ theo Nghị định này là thiết kế bố trí có tính nguyên gốc.

2. Thiết kế bố trí được công nhận có tính nguyên gốc nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thiết kế bố trí đó là kết quả lao động sáng tạo của chính tác giả thiết kế bố trí;

b) Tại thời điểm được tạo ra, thiết kế bố trí đó chưa được biết đến rộng rãi trong giới những người sáng tạo thiết kế bố trí và những nhà sản xuất mạch tích hợp bán dẫn.

Điều 5. Đối tượng không được bảo hộ

Các đối tượng sau đây không được bảo hộ theo Nghị định này:

1. Nguyên lý, quy trình, hệ thống, phương pháp được thực hiện bởi mạch tích hợp bán dẫn.
2. Thông tin, phần mềm có trong mạch tích hợp bán dẫn.

Chương 2:

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI THIẾT KẾ BỐ TRÍ

Điều 6. Căn cứ xác lập quyền của chủ sở hữu, quyền của tác giả thiết kế bố trí

Quyền sở hữu công nghiệp đối với thiết kế bố trí của chủ sở hữu và quyền của tác giả thiết kế bố trí được xác lập theo Văn bằng bảo hộ thiết kế bố trí (sau đây gọi là Văn bằng bảo hộ) do Cục Sở hữu công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp theo quy định tại Chương này.

Điều 7. Văn bằng bảo hộ

1. Văn bằng bảo hộ có tên là "Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn", có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ bắt đầu từ ngày cấp Văn bằng và chấm dứt vào ngày sớm nhất trong số những ngày sau:
 - a) Ngày kết thúc 10 năm, kể từ ngày cấp Văn bằng;
 - b) Ngày kết thúc 10 năm, kể từ ngày thiết kế bố trí được người có quyền nộp đơn hoặc người được người đó cho phép khai thác thương mại lần đầu tiên tại bất kỳ nơi nào trên thế giới;
 - c) Ngày kết thúc 15 năm, kể từ ngày tạo ra thiết kế bố trí.
3. Nội dung Văn bằng bảo hộ được xác định theo Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 8. Quyền tạm thời của chủ sở hữu

Trong trường hợp thiết kế bố trí đã được người nộp đơn (hoặc người được người nộp đơn cho phép) khai thác thương mại trước ngày Văn bằng bảo hộ được cấp, nếu trong thời gian kể từ ngày khai thác thương mại đến ngày được cấp Văn bằng bảo hộ mà có người thứ ba sử dụng thiết kế bố trí đó nhằm mục đích thương mại thì

người nộp đơn có quyền thông báo cho người thứ ba nói trên về việc mình đã nộp đơn.

Nếu đã được thông báo, mà người thứ ba vẫn tiếp tục sử dụng thiết kế bố trí thì sau khi được cấp Văn bằng bảo hộ, chủ sở hữu thiết kế bố trí có quyền yêu cầu người thứ ba này trả một khoản tiền đền bù tương đương với khoản thanh toán cho việc chuyển giao quyền sử dụng đối với thiết kế bố trí đó tương ứng với phạm vi đã sử dụng tính từ ngày nhận được thông báo đến ngày Văn bằng bảo hộ được cấp.

Điều 9. Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ

1. Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ là tập hợp các tài liệu, mẫu vật thể hiện yêu cầu của người nộp đơn về việc cấp Văn bằng bảo hộ.
2. Mỗi Đơn chỉ được yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ đối với một thiết kế bố trí.
3. Các tài liệu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và mọi giấy tờ giao dịch giữa người nộp đơn và Cục Sở hữu công nghiệp đều phải được làm bằng tiếng Việt. Các tài liệu bằng các ngôn ngữ khác chỉ được dùng để đối chiếu, tham khảo hoặc để kiểm tra.
4. Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ

1. Tổ chức, cá nhân sau đây có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ:
 - a) Tác giả tạo ra thiết kế bố trí bằng công sức và chi phí riêng của mình;
 - b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả sáng tạo ra thiết kế bố trí dưới hình thức giao việc, thuê việc, nếu trong hợp đồng lao động, hợp đồng thuê việc không có thoả thuận khác.
2. Người có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quy định tại khoản 1 của Điều này được chuyển giao quyền nộp đơn, kể cả đơn đã nộp, cho tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức chuyển nhượng bằng văn bản hoặc để thừa kế.
3. Nếu nhiều tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này cùng nhau tạo ra một thiết kế bố trí thì quyền nộp đơn cùng thuộc về các tổ

chức, cá nhân đó và quyền nộp đơn chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức, cá nhân đó đồng ý.

4. Nếu nhiều tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này độc lập với nhau tạo ra thiết kế bố trí trùng nhau thì tất cả các tổ chức, cá nhân đó đều có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và các Văn bằng bảo hộ (nếu được cấp) có hiệu lực độc lập với nhau.

Điều 11. Thời hiệu thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí đã được khai thác thương mại

Đối với thiết kế bố trí đã được người có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ khai thác hoặc người được người đó cho phép khai thác nhằm mục đích thương mại, thời hiệu thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ là hai năm, kể từ ngày tiến hành việc khai thác thương mại nêu trên lần đầu tiên tại bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Điều 12. Thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ

1. Để được cấp Văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân có quyền nộp đơn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định này phải nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ cho Cục Sở hữu công nghiệp. Văn bằng bảo hộ được Cục Sở hữu công nghiệp cấp trên cơ sở kết quả xét nghiệm đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ theo trình tự và thủ tục quy định tại Chương này.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp tiến hành việc nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục liên quan như sau:

a) Cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, pháp nhân nước ngoài có đại diện hợp pháp tại Việt Nam, cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện việc nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục liên quan;